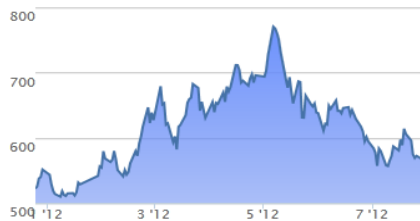
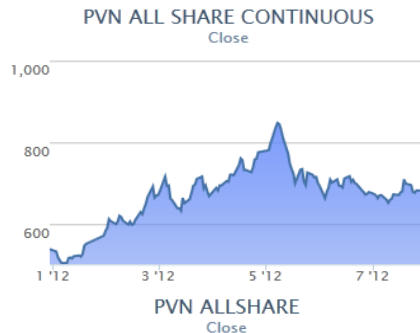


DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

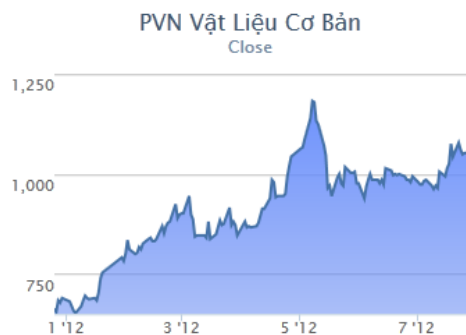


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	784.68	↓ -2.39	↓ -0.3
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	678.16	↓ -3.56	↓ -0.52
PVN ALLSHARE	660.53	↓ -3.1	↓ -0.47
PVN ALLSHARE HNX	564.29	↓ -1.53	↓ -0.27
PVN ALLSHARE HSX	710.56	↓ -3.97	↓ -0.56
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1057.97	↑ 2.9	↑ 0.27
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	838.03	↓ -7.04	↓ -0.83
PVN Tài Chính	592.26	↑ 0.61	↑ 0.1
PVN Công Nghiệp	470.36	↓ -0.87	↓ -0.18
PVN Dầu Khí	630.65	↓ -4.73	↓ -0.74
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	731.5	↓ -6.18	↓ -0.84

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản

• PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng

• PVN Tài Chính
- PVN Công Nghiệp

• PVN Dầu Khí

• PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)
Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	414.48 ↓	-0.52	-0.13%
KLGD (triệu ck)	25.40 ↓	-1.29	-4.83%
GTGD (tỷ đồng)	417.13 ↓	-44.63	-9.67%
Tổng cung (triệu ck)	103.97 ↓	-4.63	-4.26%
Tổng cầu (triệu ck)	125.36 ↓	-2.52	-1.97%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	3.51 ↑	2.02	134.64%
KL bán (triệu ck)	2.15 ↑	0.71	49.59%
Giá trị mua (tỷ đồng)	102.69 ↑	39.59	62.75%
Giá trị bán (tỷ đồng)	63.02 ↑	8.15	14.86%

Trước xu hướng biến động của thị trường thế giới thì một số doanh nghiệp đầu mỗi xăng dầu trong nước đang kiến nghị được điều chỉnh giá bán lẻ. Giá sản phẩm xăng dầu tại thị trường Singapore trung bình 10 ngày qua đối với xăng RON 92 là 114,71 USD/thùng; dầu DO 0,05S 122,72 USD/thùng; DO 0,25S 121,90 USD/thùng; Dầu hỏa 121,23 USD/thùng và dầu FO 180 cst 647,42 USD/tấn. So với giá bán lẻ hiện nay thì mặt hàng xăng đang chênh với giá cơ sở 900 đồng/lít, còn với các mặt hàng dầu là trên 500 đồng/lít.

Một bản báo cáo của Ủy ban Kinh tế Quốc hội đã cảnh báo tín dụng khu vực doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đang nổi lên như là một mối đe dọa đối với nợ công của Việt Nam. Khả năng đe dọa nợ công của khu vực DNNN lại nằm ở chỗ khu vực này luôn nhận được ngân sách “mềm” từ Chính phủ. Khi các DNNN lâm vào khó khăn, các khoản nợ trong nước của các doanh nghiệp này thường được Chính phủ hỗ trợ dưới các hình thức bổ sung vốn, khoan nợ, giãn nợ, chuyển nợ, xóa nợ. Tất cả các hình thức ngân sách mềm này cuối cùng đều sẽ khiến chi tiêu ngân sách tăng. Và với việc ngân sách nhà nước liên tục bội chi thì để bù đắp phần chi tiêu ngân sách cho khu vực DNNN, nhà nước sẽ buộc phải phát hành trái phiếu. Như vậy, nợ công của quốc gia sẽ gia tăng.

Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm của hầu hết các cổ phiếu vốn hóa lớn đều ở mức độ tương đối tốt: Lũy kế 6 tháng đầu năm 2012, Vingroup (VIC) đạt 1.822 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng hơn 1.000 tỷ so với mức 810 tỷ đồng của nửa đầu năm ngoái; Lợi nhuận sau thuế tăng 4,4 lần, từ 305,6 tỷ lên 1349 tỷ đồng; Tập đoàn Bảo Việt – công ty mẹ (BVH): LNST quý 2/2012 đạt 223,5 tỷ đồng, tăng 22% cùng kỳ 2011; lũy kế 6 tháng đạt 589 tỷ đồng, tăng 49% cùng kỳ 2011; Lũy kế 6 tháng đầu năm, MSN đạt 3908 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 37,7% so với nửa đầu năm 2011. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ tăng 39%, từ 653 tỷ lên 908 tỷ đồng; Lũy kế 6 tháng đầu năm, VNM có mức doanh thu thuần đạt 12,887 tỷ đồng, tăng 29% so cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất lên đến 2,776 tỷ đồng, tăng vọt 31%. EPS tương ứng 4,995 đồng.

KQKD của các doanh nghiệp niêm yết có mức vốn hóa lớn được công bố với con số tương đối tích cực có thể sẽ là yếu tố giúp VN-Index giảm ít hơn HNX-Index. Tuy nhiên, với thanh khoản duy trì mức cạn kiệt như hiện tại thì cơ hội phục hồi mạnh của chỉ số hai sàn có xác suất xảy ra rất nhỏ. Bên cạnh đó, sự phân hóa đang diễn ra mạnh hơn trên sàn khi nhiều pennies bắt đầu có chiều hướng diễn biến xấu đi và có thể có sự giảm giá mạnh mà không phụ thuộc vào diễn biến chỉ số thị trường.

Công Ty CPCK Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	69.19 ↓	-0.26	-0.37%
KLGD (triệu ck)	24.17 ↓	-0.93	-3.72%
GTGD (tỷ đồng)	235.35 ↓	-12.89	-5.19%
Tổng cung (triệu ck)	44.55 ↑	4.08	10.07%
Tổng cầu (triệu ck)	39.63 ↓	-6.69	-14.44%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.42 ↓	-0.02	-4.42%
KL bán (triệu ck)	0.39 ↓	-0.16	-28.63%
Giá trị mua (tỷ đồng)	4.78 ↓	-0.19	-3.87%
Giá trị bán (tỷ đồng)	4.87 ↓	-1.76	-26.57%



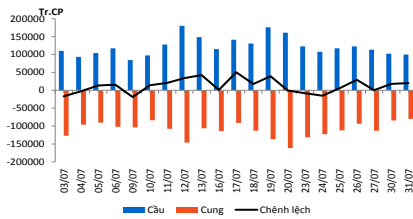
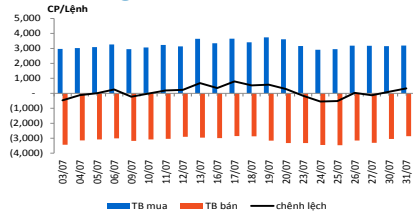
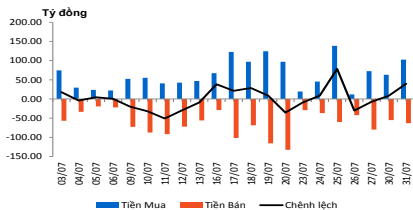
Đồ thị HNX-Index.

Tổng quan kỹ thuật chỉ số HNX-index: Tình trạng thanh khoản cạn kiệt sẽ đưa thị trường đến giai đoạn chỉ có 2 kịch bản: một lũy đáy và hai là dao động giảm dần. Các tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn về đảo chiều hay quá mua/quá bán sẽ trở nên không đáng tin cậy với tình trạng thanh khoản hiện tại.

Thanh khoản HNX tiếp tục giảm là một đặc điểm đặc thù về kỹ thuật đáng chú ý nhất hiện tại. Với mức thanh khoản hiện nay chỉ xoay quanh 33 triệu đơn vị/phần, có thể kết luận rằng thanh khoản của thị trường đang trong tình trạng cạn kiệt. Công cụ VOL AT PRICE cũng thể hiện ra rằng tình trạng cạn kiệt thanh khoản này đã có tiền lệ trong lịch sử, và có thể nói rằng đây là vùng giá mà áp lực bán cũng không còn đáng kể nữa, do đó chỉ số sẽ khó giảm sâu. Tuy nhiên các pennies có diễn biến khác, và một vài trong số đó vẫn có nguy cơ giảm mạnh.

Thanh khoản cạn kiệt là một tín hiệu kỹ thuật chỉ ra rằng mọi tín hiệu ngắn hạn như đảo chiều, xu thế, quá mua quá bán sẽ không đáng tin cậy nữa. Theo đó, chỉ có 2 khả năng là HNX-index đang dao động theo mô hình giá, hoặc là sẽ suy giảm từ từ nếu như tình trạng này kéo dài. Do đó, với mức thanh khoản như hiện tại, NĐT ngắn hạn không nên tham gia vào thị trường, không nên thực hiện mua bán dựa trên các tín hiệu đảo chiều ngắn hạn.

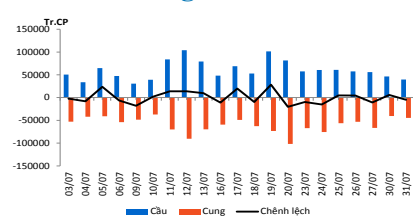
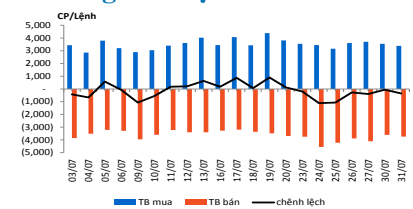
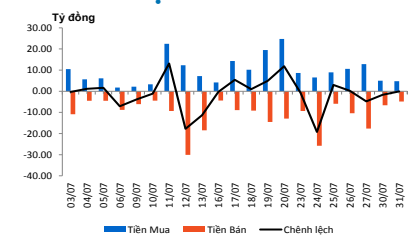
Chiến thuật tốt nhất trong giai đoạn hiện tại là mua tại vùng hỗ trợ, bán gần vùng kháng cự; mua thấp, bán cao. Như đã phân tích trước đó, hiện HNX-Index có hỗ trợ tại 65 điểm và kháng cự tại 72 điểm.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Mở cửa phiên giao dịch cuối cùng của tháng 7, đà giảm tiếp tục kìm hãm và sắc xanh được duy trì nhờ lực đỡ của các mã cổ phiếu lớn. Tuy nhiên, sự thận trọng thể hiện qua lượng giao dịch. Sau 15 phút, VN-Index nhích nhẹ 0.7 điểm, ứng với 0.17% đạt 415.7 điểm. Giao dịch chỉ đạt hơn 1 triệu đơn vị, tương đương 21.48 tỷ đồng.

Tạm khép lại phiên giao dịch buổi sáng, VN-Index tiếp tục xanh nhẹ nhờ lực đỡ của nhóm cổ phiếu thuộc VN30. giao dịch cũng không mấy tích cực mặc dù số mã tăng giá chiếm tỷ trọng cao với 111 mã, trong đó có nhiều cổ phiếu bluechips như BVH, SSI, VCB, MSN, CTG, DPM, PVF.... Nhờ các mã này, VN-Index vẫn tăng nhẹ 0.61 điểm, ứng với 0.15% đạt 415.61 điểm mặc dù trước áp lực bán ra khá quyết liệt.

Kết thúc phiên giao dịch, thanh khoản HSX vẫn đạt thấp, với 25.4 triệu đơn vị, tương đương 417 tỷ đồng. Dù vẫn còn một số trụ cột như BVH, VNM, MSN, SSI, DPM, PVF, CTG... VN-Index không giữ được mức tham chiếu. Trước sức ép của 101 mã giảm, 99 mã tham chiếu và 109 mã tăng, VN-Index giảm 0.52 điểm, tương đương 0.13% rớt xuống 414.48 điểm.

HNX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường Hà Nội:**

15 phút đầu phiên giao dịch, ở sàn HNX, nhờ các trụ đỡ của các bluechips như VCG, PVX, VND, KLS... giúp HNX-Index tạm thời đứng vững trên mốc tham chiếu, tăng nhẹ 0.06 điểm, tức 0.09% đạt 69.51 điểm sau 15 phút mở cửa.

Kết thúc phiên buổi sáng, HNX-Index vẫn duy trì đà giảm với giao dịch thận trọng và thanh khoản xuống thấp, giao dịch chỉ 141 tỷ đồng, ứng với 13.32 triệu cổ phiếu. Số mã tăng giảm đều không chiếm tỷ trọng lớn tại HNX, với 80 mã giảm và 72 mã tăng, còn lại 244 mã đứng yên. HNX-Index vẫn giảm 0.11 điểm, tức khoảng 0.16% xuống 69.34 điểm cho dù VND, KLS, PVX, VCG tiếp tục duy trì sắc xanh. Hầu hết các mã khác đứng yên.

Diễn biến của HNX những phút cuối phiên cũng không nhiều bất ngờ khi số mã giảm và số mã tham chiếu vẫn đóng vai trò chủ đạo, HNX-Index giảm nhẹ 0.26 điểm, tương ứng -0.37% và đóng cửa tại 69.19 điểm. Khối lượng giao dịch chỉ đạt hơn 24 triệu đơn vị, với giá trị hơn 235 tỷ đồng. Thị trường ghi nhận 117 mã giảm, 86 mã tăng và 197 mã tham chiếu.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 13 cổ phiếu giảm giá, 12 cổ phiếu đứng giá và 3 mã tăng giá. Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PCG (giảm 5,45%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 0,53% và tổng khối lượng giao dịch đạt 4,042 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 31/07:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,200.0	100	↓ -5.45	0.46	14.05	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,300.0	14,100	↓ -2.94	0.32	30.00	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	4,200.0	109,600	→ 0.00	0.25	0.41	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	20,200.0	137,200	↓ -0.98	1.66	1.34	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	9,100.0	9,600	↑ 2.25	0.84	5.76	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,100.0	-	→ 0.00	0.47	2.82	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,000.0	67,500	↑ 4.17	0.49	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	14,300.0	56,400	↓ -1.38	0.85	2.14	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	10,600.0	26,800	↓ -1.85	1.86	4.84	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	10,700.0	100,100	→ 0.00	0.69	7.70	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	16,700.0	600	→ 0.00	0.72	8.43	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5,100.0	2,300	→ 0.00	0.49	2.39	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,100.0	190,180	↓ -0.66	1.28	4.04	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8,400.0	1,646,229	→ 0.00	0.37	3.16	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	38,900.0	37,450	↓ -0.77	3.14	12.47	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	36,500.0	331,580	↑ 0.27	2.18	5.90	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	25,900.0	22,730	↓ -0.38	1.19	3.15	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,300.0	17,040	→ 0.00	0.63	5.33	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	11,900.0	77,100	↓ -0.83	0.68	2.93	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	37,000.0	58,330	↓ -0.54	1.81	5.23	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,200.0	95,830	→ 0.00	0.41	3.26	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	33,500.0	278,910	↓ -0.59	1.13	6.58	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	11,800.0	346,530	→ 0.00	1.04	14.94	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,000.0	213,010	→ 0.00	0.51	45.45	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	5,900.0	34,110	→ 0.00	0.57	3.93	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4,600.0	56,860	↓ -4.17	0.42	2.40	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,500.0	99,870	↓ -0.94	0.79	3.15	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,300.0	12,630	→ 0.00	0.49	3.49	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
OGC	12,700	12,600	-0.79	14,337,604
SSI	20,500	20,600	0.49	12,407,871
VIC	77,500	77,000	-0.65	12,334,745
DPM	36,400	36,500	0.27	12,156,809
DHM	21,800	22,800	4.59	11,857,150

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	10,900	10,800	-0.92	29,865
KLS	9,900	10,000	1.01	24,218
SVN	41,800	41,800	0.00	22,243
SCR	10,400	9,900	-4.81	21,437
PVX	8,400	8,400	0.00	13,832

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VSG	1,500	1,600	100	6.67
PNC	4,000	4,200	200	5.00
SBS	4,000	4,200	200	5.00
LGC	20,500	21,500	1,000	4.88
OPC	33,600	35,200	1,600	4.76

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
DPC	11,600	12,400	800	6.90
LDP	22,000	23,500	1,500	6.82
HCT	5,900	6,300	400	6.78
DC2	7,400	7,900	500	6.76
CKV	7,400	7,900	500	6.76

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
HOT	30,000	28,500	-1,500	-5.00
HVG	36,200	34,400	-1,800	-4.97
PTC	8,400	8,000	-400	-4.76
AGD	44,800	42,700	-2,100	-4.69
D2D	19,200	18,300	-900	-4.69

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
V11	1,300	1,200	-100	-7.69
CT6	8,600	8,000	-600	-6.98
B82	8,600	8,000	-600	-6.98
SGC	21,500	20,000	-1,500	-6.98
SDB	2,900	2,700	-200	-6.90

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VNS	48,160	VNS	24,375
VIC	7,881	PVD	7,663
PVD	6,463	BVH	4,840
DPM	5,973	DPM	4,627
HBC	4,832	VIC	4,477

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VND	2,180	AAA	1,028
DBC	682	VNR	871
THT	557	SDT	615
PVS	307	PVX	358
SD7	142	VC1	296

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339